



Thực phẩm dinh dưỡng y học

DIBEN® POWER VANILA

DINH DƯỠNG HOÀN CHỈNH & ĐẦY ĐỦ

Chuyên biệt cho người đái tháo đường



Chứa axit béo không
bão hòa đơn (MUFA)



chiết xuất
trà xanh



Chất xơ
hòa tan

Hỗ trợ cải thiện kiểm soát đường huyết

Công thức dinh dưỡng hoàn chỉnh dạng bột (mức năng lượng từ 0,76 đến 1kcal/ml) giúp kiểm soát chế độ ăn cho người bị suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng, đặc biệt là những bệnh nhân rối loạn chuyển hóa glucose như:

- Bệnh nhân đái tháo đường
- Bệnh nhân rối loạn chuyển hóa glucose do tress chuyển hóa, chấn thương hoặc kháng insulin do các bệnh cấp hoặc mạn tính.



Thành phần carbohydrat giải phóng chậm với chất xơ và Chỉ số đường huyết (GI) thấp giúp giảm thiểu biến động lượng đường trong máu, giảm nồng độ glucose đỉnh sau bữa ăn và giảm HbA1c

Thành phần chất béo không bão hòa đơn (MUFA) giúp cải thiện kiểm soát đường huyết, độ nhạy với insulin và các yếu tố nguy cơ chuyển hóa – cũng được khuyến cáo cho những bệnh nhân bị rối loạn chuyển hóa

Chiết xuất trà xanh với các chất chống oxy hóa giúp giảm stress oxy hóa và kháng viêm

Pha chế linh hoạt trong các khẩu phần ăn, dùng bổ sung hoặc sử dụng như bữa ăn nhẹ hoặc thay thế bữa ăn chính

* = với tất cả các chất dinh dưỡng đa lượng và vi lượng có liên quan

Diben®
POWDER Vanilla



Thông tin dinh dưỡng

Thành phần dinh dưỡng		100ml 1 kcal/ml	100ml 0.76 kcal/ml	100g bột
Năng lượng	kJ (kcal)	420 (100)	319 (76)	1825 (436)
Chất béo	g	4,4	3,4	19,3
Acid béo bão hòa	g	0,9	0,7	3,9
MCT	g	0,6	0,4	2,5
Acid béo không bão hòa đơn	g	2,7	2,0	11,7
Acid béo không bão hòa đa	g	0,9	0,7	3,8
Carbohydrat	g	9,2	7,0	40,0
Đường	g	3,5	2,6	15,1
Lactose	g	≤ 0,20	≤ 0,15	≤ 0,86
Isomaltulose	g	3,1	2,3	13,3
Tinh bột	g	2,4	1,8	10,2
Chất xơ	g	1,8	1,3	7,7
Protein	g	5,0	3,8	21,7
Muối	g	0,22	0,16	0,93
Vitamins và các chất khác				
Vitamin A	µg RE°	92	70	400
β-Carotene	µg RE°	22	17	96
Vitamin D	µg	1,5	1,1	6,5
Vitamin E	mgα-TE°°	2,2	1,7	9,5
Vitamin K	µg	6,5	4,9	28
Vitamin C	mg	8,0	6,1	35
Thiamin	mg	0,14	0,11	0,61
Riboflavin	mg	0,20	0,15	0,87
Vitamin B ₆	mg	0,14	0,11	0,61
Niacin	mg/mg NE	1.5/2.8	1.1/2.1	6.5/12
Acid Folic	µg	26,5	20,2	115
Vitamin B ₁₂	µg	0,34	0,26	1,5
Biotin	µg	4,5	3,4	20
Acid Pantothenic	mg	0,50	0,38	2,2
Khoáng chất và các nguyên tố vi lượng				
Natri (Na)	mg	86	65,4	374
Kali (K)	mg	129	98,2	561
Clorid (Cl)	mg	112	84,8	485
Canxi (Ca)	mg	79,5	60,5	346
Phốt pho (P)	mg	62,1	47,3	270
Magie (Mg)	mg	23,3	17,7	101
Sắt (Fe)	mg	1,3	1,0	5,8
Kẽm (Zn)	mg	1,2	0,91	5,2
Đồng (Cu)	mg	0,13	0,10	0,58
Mangan (Mn)	mg	0,36	0,27	1,6
Selen	µg	6,5	4,9	28
Crôm	µg	13	10	58
Molybden	µg	11	8,0	46
Iốt (I)	µg	9,9	7,53	43,0
Cholin	mg	30,5	23,2	133
Áp suất thẩm thấu	mosmol/l	376	243	-
Nước	ml	80	90	-
Phân bố năng lượng (kJ%)				
Chất béo 40%, Carbohydrat 37%, Chất xơ 3%, Đạm 20%				
* MCT: triglycerides chuỗi trung bình				
° RE: Retinol tương đương, °° α-TE: Tocopherol tương đương, °°° NE: niacin tương đương				
*23 g sản phẩm trong 80ml nước; **17,5g sản phẩm trong 90ml nước				

Thông tin mô tả

CÔNG DỤNG

Dùng để kiểm soát chế độ ăn của bệnh nhân suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng, đặc biệt là những bệnh nhân rối loạn chuyển hóa glucose.

- Cung cấp dinh dưỡng hoàn chỉnh và đầy đủ, bổ sung qua đường uống, thích hợp nuôi ăn qua ống với chỉ số đường huyết (GI=27) thấp, giúp tăng cường kiểm soát đường huyết.
- Tinh bột biến tính với carbohydrat giải phóng chậm giúp hạn chế tăng đường huyết cao sau bữa ăn và giảm thiểu biến động đường huyết.
- Giàu đạm (cung cấp 20% năng lượng) với chất lượng cao để hỗ trợ nhu cầu protein cao cho tổng hợp khối lượng cơ.
- Công thức chất béo cân đối, đa phần là axit béo không bão hòa đơn (MUFA) và ít các axit béo bão hòa (SFA) để cải thiện kiểm soát đường huyết và độ nhạy với insulin.
- Chứa triglycerid mạch trung bình (MCT) giúp cung cấp năng lượng nhanh, dễ hấp thụ và cải thiện kiểm soát lipid máu và độ nhạy với insulin.
- Với chất chống oxy hóa từ chiết xuất trà xanh giúp giảm stress oxy hóa và kháng viêm.
- Có chứa chất xơ giúp duy trì chức năng đường ruột khỏe mạnh và hỗ trợ kiểm soát đường huyết.
- Cung cấp nhiều vi chất dinh dưỡng thiết yếu cho cơ thể. Hàm lượng natri (86mg/100ml) phù hợp cho bệnh nhân đái tháo đường.
- Sản phẩm chứa đường và chất làm ngọt. Sản phẩm không chứa gluten, chứa ít lactose phù hợp cho chế độ ăn halal và kosher.

LIỀU DÙNG

Được xác định bởi nhân viên y tế tùy thuộc nhu cầu của bệnh nhân.

- Bổ sung dinh dưỡng: (2-3 lần, 400-600 kcal/ngày).
- Dùng thay thế hoàn toàn bữa ăn: ≥ 1500 kcal/ngày.

Cách dùng: Sử dụng cốc và nước sạch. Cần thận để tránh tạp nhiễm trong suốt quá trình pha chế và sử dụng.

CHÚ Ý: Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế

- Thích hợp là nguồn dinh dưỡng chủ yếu.
- Không dùng cho trẻ dưới 3 tuổi. Sử dụng thận trọng cho trẻ dưới 6 tuổi.
- Chỉ dùng đường uống, không được tiêm truyền.
- Không dùng cho bệnh nhân mắc galactosaemia.
- Không dùng khi có các tình trạng chống chỉ định dinh dưỡng qua đường uống như xuất huyết tiêu hóa cấp, mất trương lực ruột, tắc ruột.
- Không dùng cho bệnh nhân bị rối loạn đông hóa nặng.
- Không dùng cho những bệnh nhân không có khả năng chuyển hóa bẩm sinh các chất dinh dưỡng có trong sản phẩm.
- Đảm bảo cung cấp đủ dịch.
- Nên điều chỉnh phù hợp liều pháp điều trị kiểm soát đường huyết bằng thuốc.
- Nếu cho ăn qua ống, kiểm soát tốc độ cho ăn là bắt buộc, đặc biệt khi nuôi ăn bằng trọng lực, thời gian không quá 1 giờ. Không pha trộn với các thuốc khác.

BẢO QUẢN

- Bảo quản nơi khô ráo, ở nhiệt độ phòng (15-25°C). Đậy chặt nắp sau khi sử dụng. Bảo quản hộp đã mở nơi khô ráo và sử dụng trong vòng 3 tuần. Sử dụng ngay sau khi pha.
- Đối với dung dịch pha để uống: nếu bảo quản trong tủ lạnh, có thể sử dụng trong vòng 6 giờ, khuấy đều lại trước khi sử dụng

Hướng dẫn cách pha:

Sử dụng cốc sạch và nước uống được. Đảm bảo vệ sinh trong quá trình pha chế và sử dụng.

a) Pha dung dịch với năng lượng chuẩn 1,0kcal/ml: cho một cốc 200ml (cung cấp 200kcal)

- 1) Rót 160ml nước vào cốc
- Đường uống: tốt hơn nếu dùng nước mát
- Nuôi ăn qua ống: nước ở nhiệt độ phòng
- 2) Thêm 3 muỗng bột (tương đương 46g). Sử dụng muỗng đi kèm theo sản phẩm
- 3) Khuấy đều đến khi tan hoàn toàn.
- 4) Đối với nuôi ăn qua ống: để yên sản phẩm trong 5 phút và khuấy chậm lại để tránh tạo bọt cho đến khi tan hoàn toàn. Sử dụng ngay sau khi pha.

b) Pha thành dung dịch với năng lượng 0,76 kcal/ml dùng cho bữa phụ: cho một cốc 170ml (cung cấp 130 kcal)

- 1) Rót 160ml nước ở nhiệt độ phòng hoặc nước ấm vào cốc.
- 2) Thêm 2 muỗng bột. Sử dụng muỗng đi kèm theo sản phẩm.
- 3) Khuấy đều đến khi tan hoàn toàn.
- 4) Đối với nuôi ăn qua ống: để yên sản phẩm trong 5 phút và khuấy chậm lại để tránh tạo bọt cho đến khi tan hoàn toàn. Sử dụng ngay sau khi pha.

Thành phần

Dầu thực vật (dầu hạt cải, dầu hướng dương có hàm lượng oleic cao), dextrin từ bột sắn, isomaltulose*, protein sữa, maltodextrin, protein đậu nành, inulin, triglycerid mạch trung bình, protein whey (từ sữa), hương liệu giống tự nhiên, kali citrat, cenllulose, natri clorid, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành), cholin bitartrat, magnesi oxid, chiết xuất trà xanh, canxi carbonat, vitamin C, chất làm ngọt giống tự nhiên (E 960a), sắt diphosphat, kẽm sulfat, niacin, vitamin E, mangan sulfat, acid pantothenic, riboflavin, thiamin, đồng sulfat, vitamin B6, beta-caroten, vitamin A, crom clorid, acid folic, kali iodid, natri selenit, vitamin K, biotin, natri molybdat, vitamin D, vitamin B12. (*isomaltulose là nguồn cung cấp glucose và fructose)